

Bản án số: 56/2022/HNGĐ-ST

Ngày 12 - 12 - 2022

Về việc ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Trí Thức.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Lê Thị Quỳnh Nga.

2. Ông Lê Văn Công.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 355/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022 về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Đỗ Thị Trung H, sinh năm 1983. Địa chỉ: khu phố H, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (vắng mặt)

**- Bị đơn:** Ông Lê Lưu T, sinh năm 1980. Địa chỉ: khu phố H, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*1. Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đỗ Thị Trung H trình bày:*

Bà H và ông T tự nguyện chung sống như vợ chồng với nhau, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống không có hạnh phúc, nguyên do ông T thường đi chơi, ăn nhậu qua đêm bên ngoài rồi về kiếm chuyện chửi bới gia đình và đánh bà nhiều lần gây thương tích. Ngoài ra ông T còn hay dùng dao hăm dọa giết bà và đập phá đồ đạc trong gia đình. Mặc dù bà có khuyên bảo để làm ăn cùng nuôi con nhưng ông T vẫn không nghe lời. Do không thể chung

sống nên vợ chồng đã sống ly thân được sáu tháng không quan tâm gì đến nhau. Nay xét thấy không thể chung sống nên bà H yêu cầu Tòa án không công nhận bà với ông T là vợ chồng.

Về con chung: Bà và ông T có 01 con chung Lê Trung N, sinh năm 2001 đã đủ 18 tuổi, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. *Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Lưu T trình bày:*

Ông T thống nhất với bà H về thời gian chung sống cũng như việc không có kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng từ năm 2015 nhiều lần ông mâu thuẫn với gia đình bà H dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn nhau, ông thừa nhận do tức giận nên ông có dùng tay quơ trúng mắt bà H bị bầm mắt; gần đây, sau một lần mâu thuẫn gây gổ đánh nhau và đập phá đồ đạc gia đình bà H, và đập đồ đạc trong nhà. Sự việc bị Công an xử phạt hành chính. Cho rằng vẫn còn yêu thương vợ nên ông không đồng ý ly hôn với bà H.

Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Trung Nghĩa, sinh năm 2001 đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. *Ý kiến đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:*

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đều tuân theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn không chấp hành quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Quan hệ hôn nhân: Căn cứ hồ sơ vụ án, bà H và ông T chung sống như vợ chồng có đủ điều kiện nhưng không đăng ký kết hôn nên căn cứ Điều 8 và 14 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, không công nhận bà H và ông T là vợ chồng.

+ Về con chung: Bà H, ông T có 1 con chung Lê Trung N, sinh năm 2001 đã đủ 18 tuổi, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Đỗ Thị Trung H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Lê Lưu T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai các đương sự, có cơ sở xác định, bà Đỗ Thị Trung H và ông Lê Lưu T tự nguyện chung sống như vợ chồng với nhau từ năm 2000 có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Bà H cho rằng, quá trình chung sống ông T thường hay ăn nhậu về gây gổ đánh bà nhiều lần gây thương tích. Nhận thấy không thể chung sống nên bà yêu cầu Tòa án không công nhận bà với ông T là vợ chồng; ông T thừa nhận giữa ông và bà H cũng như gia đình bà H thường xuyên mâu thuẫn gây gổ đánh nhau, đập phá đồ đạc trong gia đình và gây thương tích cho bà H. Ông xác định vẫn còn yêu thương vợ nên không đồng ý ly hôn.

Xét thấy, giữa bà H và ông T chung sống như vợ chồng với nhau, có tổ chức lễ cưới. Quá trình chung sống thường hay gây gổ đánh nhau, tuy có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng cả hai không thực hiện việc đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ vợ, chồng với nhau. Bà H xác định không còn tình cảm và cũng không thể chung sống vợ chồng với ông T nên căn cứ Điều 8 và Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không công nhận bà H và ông T là vợ chồng.

- Về con chung: Bà H và ông T có 01 con chung là Lê Trung Nghĩa, sinh năm 2001 đã đủ 18 tuổi, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 8 và Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:**

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Đỗ Thị Trung H và ông Lê Lưu T là vợ chồng.

- Về con chung: Bà Đỗ Thị Trung H và ông Lê Lưu T có 01 con chung là Lê Trung Nghĩa, sinh năm 2001 đã đủ 18 tuổi, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

2. Án phí: Bà Đỗ Thị Trung H phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0004766 ngày 04/10/2022 của Chi cục Thi hành án thành phố B. Bà H đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND, VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. B;
- Chi cục THADS TP. B;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Trí Thức**